TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 69/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 05 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", giữa:

Nguyên đơn: Anh **Vương Văn L** - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị **Hầu Thị C** - Sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Anh Vương Văn L và chị Hầu Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Văn L và chị Hầu Thị C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh Vương Văn L và chị Hầu Thị C có 01 con chung.

Cháu Vương Thị Nguyệt A – Sinh ngày: 09/5/2016.

Anh Vương Văn L và chị Hầu Thị C thỏa thuận nhất trí giao cháu Vương Thị Nguyệt A cho anh Vương Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 26/02/2024.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh Vương Văn L và chị Hầu Thị C thỏa thuận nhất trí chị Hầu Thị C cấp dưỡng nuôi cháu Vương Thị Nguyệt A số tiền 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ tháng 3/2024.

Anh Vương Văn L – Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hầu Thị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh Vương Văn L và chị Hầu Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Vương Văn L và chị Hầu Thị C thỏa thuận nhất trí để anh Vương Văn L chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên L ký hiệu: BLTU/23, số: 0001285 nộp ngày 08/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho anh Vương Văn L 150.000đ tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

Chị Hầu Thị C phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ` (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường